

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÙ CÁT
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 09/4/2025

V/v: *Ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ CÁT, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Minh.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Nguyễn Tấn Đạt.

+ Bà Nguyễn Thị Tuyết Vân.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Hậu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Ông Bùi Trường Viên – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 19/2025/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2025 về: *“Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đặng Thị Mỹ L, SN: 1994

Trú tại: Thôn C, xã C, huyện P, tỉnh B Đ

- Bị đơn: Anh Hà Mộng H, SN: 1989

Trú tại: Thôn C, xã C, huyện P, tỉnh B Đ

(Chị L vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, anh H vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện xin ly hôn, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Đặng Thị Mỹ L trình bày:

Chị với anh Hà Mộng H tự nguyện đi đến hôn nhân, đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện P vào ngày 24/6/2015. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc. Đến năm 2022 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do vợ chồng bất đồng nhiều quan điểm trong cuộc sống hôn nhân, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung và thường xuyên xảy ra cãi vã, anh H chơi bời không chăm lo cho gia đình. Từ năm 2022 cho đến nay vợ chồng chị phần ai người ấy sống, không ai quan tâm đến ai. Chị nhận thấy vợ chồng mâu thuẫn nghiêm trọng, vợ chồng sống không hạnh phúc nhưng không có biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Hà Mộng H.

Chị với anh Hà Mộng H có 02 người con chung tên là Hà Mạnh D, sinh ngày 13/12/2014 và Hà Bảo T, sinh ngày 10/7/2019; các cháu hiện nay sức khỏe phát triển bình thường, cháu T đang ở với chị, còn cháu D đang ở với anh H. Khi ly hôn chị xin nhận nuôi cháu T, giao cháu D cho anh H trực tiếp nuôi; nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Hà Mộng H vắng mặt.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Cát tại phiên tòa:

Về tố tụng: Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của chị L kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của Luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, bị đơn anh Hà Mộng H vắng mặt nên chưa chấp hành nghiêm quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho chị L được ly hôn anh H; giao con chung là cháu Hà Bảo T, sinh ngày 10/7/2019 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Hà Mạnh D, sinh ngày 13/12/2014 cho cha là anh Hà Mộng H trực tiếp nuôi dưỡng. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung các đương sự không tranh chấp nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra làm rõ tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Chị Đặng Thị Mỹ L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Hà Mộng H. Đây là tranh chấp về Hôn nhân – Gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phù Cát quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự nên yêu cầu khởi kiện của chị L được Tòa án chấp nhận.

Nguyên đơn chị Đặng Thị Mỹ L có đơn yêu cầu không hòa giải vụ án nên căn cứ vào khoản 4 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án. Đồng thời chị L có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục vắng mặt nguyên đơn.

Bị đơn anh Hà Mộng H mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến Tòa án để trình bày lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; tham dự phiên tòa nhưng anh H đều vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục vắng mặt bị đơn.

[2]. Về nội dung tranh chấp:

[2.1]. Chị Đặng Thị Mỹ L với anh Hà Mộng H tự nguyện đi đến hôn nhân, đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện P vào ngày 24/6/2015 nên quan hệ hôn nhân giữa chị L với anh H được pháp luật thừa nhận là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[2.2]. Theo nguyên đơn chị Đặng Thị Mỹ L trình bày:

Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc. Đến năm 2022 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do vợ chồng bất đồng nhiều quan điểm trong cuộc sống hôn nhân, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung và thường xuyên xảy ra cãi vã, anh H chơi bời không chăm lo cho gia đình. Từ năm 2022 cho đến nay vợ chồng chị phân ai người ấy sống, không ai quan tâm đến ai. Chị nhận thấy vợ chồng mâu thuẫn nghiêm trọng, vợ chồng sống không hạnh phúc nhưng không có biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Hà Mộng H.

[2.3]. Xét yêu cầu ly hôn của chị Đặng Thị Mỹ L, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Đã là vợ chồng, lẽ ra chị Đặng Thị Mỹ L với anh Hà Mộng H phải có nghĩa vụ quan tâm, thương yêu, chăm sóc lẫn nhau, phải cùng có trách nhiệm với nhau trong cuộc sống hôn nhân. Tuy nhiên, do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, anh H không chăm lo cho gia đình. Từ năm 2022 vợ chồng chị L, anh H phân ai người ấy sống, không ai quan tâm đến ai nhưng các bên không thể hàn gắn tình cảm để chung sống hạnh phúc nên chị L yêu cầu giải quyết ly hôn anh H. Đối với bị đơn anh Hà Mộng H nhiều lần Tòa án triệu tập hợp lệ đến Tòa án tham gia giải quyết vụ án nhưng anh H đều vắng mặt. Tuy nhiên, qua kết quả xác minh

tại gia đình anh H và tại Công an xã C thì được biết anh H hiện nay đăng ký thường trú và cư trú sinh sống cùng với gia đình của anh H tại thôn C, xã C, huyện P, tỉnh B Đ, gia đình cũng xác nhận vợ chồng xảy ra mâu thuẫn từ năm 2022 cho đến nay. Việc anh H không chấp hành sự triệu tập của Tòa án nên phải chịu hậu quả pháp lý từ việc không chấp hành sự triệu tập. Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử có căn cứ để xác định quan hệ hôn nhân giữa chị L với anh H đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, việc chị L yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Hà Mộng H là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình – 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L.

[2.4]. Về con chung:

Chị Đặng Thị Mỹ L với anh Hà Mộng H có 02 người con chung tên là Hà Mạnh D, sinh ngày 13/12/2014 và Hà Bảo T, sinh ngày 10/7/2019. Hiện tại sức khỏe cháu D, cháu T phát triển bình thường; cháu T đang ở với chị L, còn cháu D đang ở với anh H. Nếu Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn thì khi ly hôn chị L xin nhận nuôi cháu T, giao cháu D cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét yêu cầu giải quyết quan hệ con chung của chị L, Hội đồng xét xử thấy rằng: việc giao con chưa thành niên cho cha hoặc mẹ trực tiếp nuôi dưỡng phải xuất phát từ việc xem xét hoàn cảnh và điều kiện thực tế của người được trực tiếp nuôi con phải đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con để con được phát triển bình thường. Cháu D hiện tại đang ở với gia đình anh H, quen với lối sống và sinh hoạt tại gia đình anh H, còn cháu T hiện đang ở với chị L. Do đó, Hội đồng xét xử giao cháu Hà Bảo T, sinh ngày 10/7/2019 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Hà Mạnh D, sinh ngày 13/12/2014 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.5]. Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí DSST: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV, chị Đặng Thị Mỹ L phải chịu án phí ly hôn.

[4]. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Cát tại phiên tòa là phù hợp, đúng pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 207, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị Mỹ L về việc yêu cầu ly hôn anh Hà Mộng H.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị Mỹ L được ly hôn anh Hà Mộng H.

1.2. Về quan hệ con chung: Giao cho chị Đặng Thị Mỹ L được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hà Bảo T, sinh ngày 10/7/2019 và giao cho anh Hà Mộng H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hà Mạnh D, sinh ngày 13/12/2014. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

+ Án phí ly hôn: Chị Đặng Thị Mỹ L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Tuy nhiên, chị Loan đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí tại biên lai thu số 000... ngày 10/02/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện P, nay được khấu trừ.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt, thời hạn trên được tính kể từ ngày nhận tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- *VKSND huyện Phù Cát (02b);*
- *Chi cục THA dân sự huyện Phù Cát;*
- *UBND xã C, H. P;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu án văn;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

Nguyễn Đức Minh